

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 - TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2025/DS-ST
Ngày: 08-7-2025
V/v Tranh chấp hợp đồng cầm cố
tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Võ Văn Trung;
- Bà Nguyễn Thị Kim Phú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Trung, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Nhiên, Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2025/TLST-DS ngày 21 tháng 01 năm 2025, về việc “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 137/2025/QĐXXST-DS ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2025/QĐST-DS ngày 09/6/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S (tên cũ là Công ty TNHH S1); địa chỉ trụ sở chính: Số A, đường N, phường B, thành phố V, tỉnh Nghệ An (nay là phường T, tỉnh Nghệ An; Địa chỉ liên hệ: Số A, Đường C, khu phố C, phường A, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Kanokwatpaisal N – Chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Thị Kim A, sinh năm 1990; Địa chỉ: Khu phố N, phường N, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là phường T, tỉnh Tây Ninh); có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Bà Huỳnh Kim P, sinh năm 2002; Địa chỉ: Số D, khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố G, phường T, tỉnh Tây Ninh); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 10 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Cổ phần S Có Ngay và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà Đinh Thị Kim A trình bày:

Theo giấy Đăng ký kinh doanh đã đăng ký thì Công ty Cổ Phần S Có Ngay (viết tắt là Công ty) đang hoạt động ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực Chăm sóc tài sản.

Vào ngày 17/10/2023, bà Huỳnh Kim P có tới Chi nhánh T - TP T - Công ty Cổ Phần S Có Ngay để ký hợp đồng cầm cố tài sản số T2M231002004NA20X và đã nhận 28.570.000 đồng. Thời hạn cầm cố là 18 tháng, từ ngày 17/10/2023 đến ngày 17/04/2025, lãi suất cầm cố là 1,1% một tháng và phí Quản lý hồ sơ 0,5% một tháng theo dư nợ thực tế kể từ ngày nhận tiền. Khi ký hợp đồng cầm cố tài sản, thì hai bên tiến hành lập hợp đồng và phụ lục hợp đồng kèm theo hợp đồng chính. Trong nội dung của phụ lục hợp đồng cầm cố, bên cầm cố tài sản đã đồng ý cho Chi nhánh T - TP T - Công ty Cổ Phần S Có Ngay có quyền cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng lợi tức đến khi chấm dứt hợp đồng. Thỏa thuận này thực hiện đúng quyền của bên nhận cầm cố quy định tại Khoản 3 Điều 314 bộ luật Dân sự 2015 “Bên nhận cầm cố được cho thuê, cho mượn, khai thác công dụng tài sản cầm cố và hưởng hoa lợi, lợi tức từ tài sản cầm cố nếu có thỏa thuận”.

Do có nhu cầu sử dụng xe nên bà P thỏa thuận mượn xe trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày 17/10/2023 đến hết ngày 17/11/2023, bà P sẽ trả lại xe đã mượn cho Công ty tại Chi nhánh T - TP T - Công ty Cổ Phần S Có Ngay. Bị đơn đã có cam kết rõ trong giấy mượn xe: “Hoàn trả lại tài sản đã mượn đúng thời hạn và địa điểm đã thỏa thuận”.

Để đảm bảo cho khoản cầm cố tài sản số T2M231002004NA20X ký ngày 17/10/2023, bà Huỳnh Kim P đã thế chấp tài sản đảm bảo bằng một chiếc xe gắn máy có nhãn hiệu HONDA SH MODE mang biển số 70B1-934.73. Tài sản trên đã được Công ty đăng ký giao dịch đảm bảo tài sản trên hệ thống trực tuyến của cục Đ với số hợp đồng là 1487688853. Bắt đầu từ kỳ của ngày 17/01/2024 đến nay, bà Huỳnh Kim P đã quá hạn thanh toán nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe. Dù là đã nhận thư thông báo và được gọi điện nhiều lần, nhưng bà Huỳnh Kim P vẫn không trả lại tài sản cầm cố cho Công ty và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết, gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi và lợi ích của Công ty.

Từ lúc ký hợp đồng cầm cố tài sản và nhận tiền, bà P đã thanh toán cho công ty cổ phần S Có Ngay tổng tiền là 5.336.000 đồng. Trong đó gồm có

2.441.235 đồng tiền gốc; 615.220 đồng lãi trong hạn; 0 đồng lãi quá hạn; 279.645 đồng Phí Quản lý hồ sơ 0,5%; cuối cùng là 1.999.900 đồng phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn lại xe.

Nay Công ty Cổ phần S Có Ngay khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Buộc bà Huỳnh Kim P phải trả lại cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tính đến ngày 07/7/2025 tổng cộng 37.043.897 đồng, trong đó: tiền nợ gốc là 25.783.494 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 2.506.321 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 7.615.155 đồng, phí quản lý hồ sơ là 1.138.928 đồng. Công ty không yêu cầu Tòa án giải quyết và rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế.

- Bà Huỳnh Kim P còn phải tiếp tục chịu lãi và các chi phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố đã ký cho đến khi hoàn toàn trả hết nợ.

- Trường hợp bà Huỳnh Kim P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, đề nghị Tòa án tuyên Công ty Cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA SH MODE mang biển số 70B1-934.73 để thu hồi khoản nợ cho Công ty. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản đã nợ thì bà Huỳnh Kim P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

- Bà Huỳnh Kim P sẽ phải chịu mọi chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không trình bày ý kiến về yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa.

+ Về nội dung: Căn cứ Điều 310, 311, 314 Bộ luật dân sự, Nghị Quyết số 326 của UBTVQH, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ Phần S Có Ngay, buộc bà Huỳnh Kim P trả số tiền nợ gốc là 26.128.765 đồng, tiền Lãi cố định 1,1% trên dư nợ thực tế, tiền Lãi quá hạn 0,55% trên dư nợ thực tế là, phí Quản lý hồ sơ 0,5% trên dư nợ thực tế phát sinh theo hợp đồng đã ký kết từ khi vi phạm đến khi

trả xong nợ. Trường hợp bà Huỳnh Kim P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu Công ty cổ phần S Có Ngay được quyền xử lý tài sản cầm cố theo quy định.

Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế.

Án phí: Đương sự phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe đã ký với nguyên đơn nên đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng cầm cố tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 309 của Bộ luật Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại địa chỉ khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Tây Ninh (nay là khu phố G, phường T, tỉnh Tây Ninh) nên căn cứ Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 và Luật số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh.

[2] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Kim A vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Huỳnh Kim P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng thủ tục theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[3] Nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tính phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện nên Hội đồng xét xử ghi nhận và đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn bà Huỳnh Kim P, thấy rằng:

[4.1] Căn cứ vào các chứng cứ mà nguyên đơn xuất trình như: Giấy mượn xe ngày 17/10/2023 giữa bà Huỳnh Kim P và Công ty TNHH S1; Hợp đồng cầm cố số T2M231002004NA20X ngày 17/10/2023 giữa bà Huỳnh Kim P và Công ty TNHH S1; Phiếu đăng ký cầm cố xe máy ngày 17/10/2023 giữa bà Huỳnh Kim P và Công ty TNHH S1, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định: Ngày 17/10/2023, giữa Công ty TNHH S1 (nay là Công ty Cổ phần S Có Ngay) và bà P có ký kết Hợp đồng cầm cố tài sản theo đó: Bà P giao tài sản cầm cố là xe mô tô có nhãn

hiệu HONDA loại SH MODE có biển kiểm soát số 70B1-934.73 cho Công ty Cổ phần S (Có giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 073462 do Công an T1 cấp ngày 09/7/2020 cho bà Huỳnh Kim P), thời hạn cầm cố là 18 tháng, từ ngày 17/10/2023 đến ngày 17/04/2025 và bà P nhận số tiền 28.570.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, thời hạn thanh toán tiền định kỳ hàng tháng (bao gồm nợ gốc và lãi trong hạn) với số tiền 1.839.316 đồng từ tháng 11/2023 đến tháng 4/2025. Việc ký kết hợp đồng cầm cố tài sản và giấy mượn xe nêu trên là trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, các chủ thể tham gia ký kết có đầy đủ năng lực trách nhiệm dân sự nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

[4.2] Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P đã thanh toán cho công ty cổ phần S Có Ngay tổng tiền là 5.336.000 đồng. Trong đó gồm có 2.441.235 đồng tiền gốc; 615.220 đồng lãi trong hạn; 0 đồng lãi quá hạn; 279.645 đồng Phí Quản lý hồ sơ 0,5%; cuối cùng là 1.999.900 đồng phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn lại xe và bắt đầu từ kỳ của ngày 17/01/2024 đến nay, bà Huỳnh Kim P đã quá hạn thanh toán nhưng vẫn không trả lại xe cầm cố và đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng theo cam kết trong hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe, gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Do đó, Công ty Cổ phần S khởi kiện yêu cầu Tòa án tuyên buộc bà Huỳnh Kim P phải trả số tiền nợ gốc còn lại 25.783.494 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[4.3] Xét số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn: Tại Hợp đồng cầm cố số T2M231002004NA20X ngày 17/10/2023 quy định mức lãi suất thỏa thuận là 1.1%/tháng, lãi suất quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn được áp dụng tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Căn cứ vào khoản 6 Điều 29 của Nghị định 96/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện về an ninh, trật tự đối với một số ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định “Tỷ lệ lãi suất cho vay tiền khi nhận cầm cố tài sản không vượt quá tỷ lệ lãi suất theo quy định của Bộ luật Dân sự” và đối chiếu tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự quy định “Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác”. Việc thỏa thuận mức lãi suất, lãi suất quá hạn của Công ty Cổ phần S Có Ngay và bà Huỳnh Kim P tại hợp đồng cầm cố nêu trên phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Công ty Cổ phần S Có Ngay yêu cầu tiền nợ lãi trong hạn là 2.506.321 đồng, tiền nợ lãi quá hạn tính đến 07/7/2025 là 7.615.155 đồng và yêu cầu bà P còn phải tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng cầm cố cho đến khi hoàn toàn trả hết nợ là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4.4] Hợp đồng cầm cố số T2M231002004NA20X ngày 17/10/2023 được đăng ký biện pháp bảo đảm tại Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại thành phố Hà Nội - Cục Đ; do đó trường hợp bà P không thực hiện hoặc thực hiện không

đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm cụ thể là xe mô tô nhãn hiệu HONDA loại SH MODE có biển kiểm soát số 70B1-934.73 để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay. Yêu cầu này của nguyên đơn phù hợp Điều 299, Điều 303 của Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tây Ninh đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ xét xử phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế, ý kiến của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích đã nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay.

[6] Về án phí:

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Huỳnh Kim P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $5\% \times 37.043.897 \text{ đồng} = 1.852.194 \text{ đồng}$ (làm tròn 1.852.000 đồng) theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đồng theo Biên lai thu số 0003956 ngày 21/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 117, 280, 299, 303, 309, 311, 312, 314, 315, 357 và 468 của Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần S Có Ngay đối với bà Huỳnh Kim P về “Tranh chấp hợp đồng cầm cố tài sản”.

Buộc bà Huỳnh Kim P phải thanh toán cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền nợ là 37.043.897 đồng (Ba mươi bảy triệu không trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm chín mươi bảy đồng), trong đó: tiền nợ gốc là 25.783.494 đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm tám mươi ba nghìn bốn trăm chín mươi bốn đồng), tiền nợ lãi trong hạn là 2.506.321 đồng (Hai triệu năm trăm lẻ sáu nghìn ba trăm hai mươi một đồng), tiền nợ lãi quá hạn 7.615.155 đồng (Bảy triệu sáu trăm mười lăm nghìn một trăm năm mươi lăm đồng), phí quản lý hồ sơ là 1.138.928 đồng (Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn chín trăm hai mươi tám đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp bà Huỳnh Kim P trả hết nợ thì Công ty Cổ phần S phải trả lại cho bà Huỳnh Kim P bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 073462 do Công an T1 cấp ngày 09/7/2020 cho bà Huỳnh Kim P.

2. Về xử lý tài sản cầm cố:

Trường hợp bà Huỳnh Kim P không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ nêu trên, Công ty Cổ phần S Có Ngay được yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản bảo đảm cụ thể là chiếc xe gắn máy nhãn hiệu HONDA loại SH MODE có biển kiểm soát số 70B1-934.73 theo giấy chứng nhận đăng ký xe máy số 073462 do Công an T1 cấp ngày 09/7/2020 cho bà Huỳnh Kim P để thu hồi khoản nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản đảm bảo không đủ thanh toán hết khoản đã nợ thì bà Huỳnh Kim P vẫn phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Công ty Cổ phần S Có Ngay.

3. Đình chỉ phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với phí hao mòn và bảo dưỡng khi mượn xe 3,5% trên số tiền cầm cố và phí thanh lý trước hạn 7% trên dư nợ thực tế.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Bà Huỳnh Kim P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.852.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi hai nghìn đồng).

Hoàn trả cho Công ty Cổ phần S Có Ngay số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.050.000 đồng (Một triệu không trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu số 0003956 ngày 21/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 – Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

(đã ký)

Đặng Thị Ngọc Dung